

KẾ HOẠCH
Xuất khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI;

Thực hiện Kế hoạch 15/KH-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020-2025,

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch xuất khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 với những nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Một số kết quả đạt được:

- Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2016 đạt 342,9 triệu USD, năm 2017 đạt 450 triệu USD, năm 2018 đạt 470 triệu USD, 2019 đạt 500 triệu USD, năm 2020 đạt 580 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 14,38%/ năm.

- Mặt hàng xuất khẩu chủ lực: cà phê, cao su, sản lát, tiêu, sản phẩm gỗ... xuất khẩu sang 40 quốc gia. Một số mặt hàng đã đáp ứng được yêu cầu chất lượng đối với thị trường khó tính như: Mỹ, Châu Âu, Nhật bản... điển hình là cà phê rang xay, hòa tan thương hiệu L'amant, hoa quả đóng hộp, nước ép chanh leo... Giá trị kim ngạch của nhóm hàng nông sản chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh, chủ yếu là cà phê với kim ngạch xuất khẩu trung bình trên 300 triệu USD/năm.

Giai đoạn 2016 - 2020, mặt hàng cà phê có tốc độ tăng trưởng cao do nhu cầu tiêu thụ tăng, giá xuất khẩu bình quân tăng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu. Cao su, sản phẩm gỗ, sản lát tăng trưởng chậm do giai đoạn này giá xuất khẩu cao su giảm sâu, hiện đang có dấu hiệu phục hồi nhưng còn chậm. Mặt hàng khác tăng mạnh do tăng cường xuất khẩu các mặt hàng mới như: hoa quả tươi, nước ép hoa quả, tinh bột sắn...

- Số lượng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu hiện có gần 30 doanh nghiệp, (trong đó có 01 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) với kim ngạch xuất khẩu chiếm tỷ trọng khoảng 20% trong tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

- Thị trường xuất khẩu chủ yếu là châu Âu (chiếm 50-60% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh) tiêu thụ phần lớn mặt hàng cà phê nhân xô, sản phẩm gỗ... Thị trường châu Á chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu với các quốc gia như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia... tiêu thụ chủ yếu sản phẩm cao su, sản lát, cà phê, sản phẩm gỗ. Còn lại là các thị trường khác.

2. Những thuận lợi chủ yếu:

- Giai đoạn 2016-2020, Chính phủ thực hiện ký kết, đưa vào thực thi hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do: Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA). Đặc biệt là Hiệp định thương

mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực vào tháng 8/2020 tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

Trong giai đoạn này, tỉnh đã thu hút được các dự án nhà máy chế biến như dự án của công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu rau quả Doveco Gia Lai; các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đã mở rộng quy mô sản xuất, chế biến, điển hình công ty TNHH Vĩnh Hiệp đã đầu tư trang thiết bị hiện đại để chế biến cà phê thành phẩm... góp phần tăng cường nguồn lực xuất khẩu, tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Quy mô và khối lượng hàng hóa xuất khẩu ngày càng được mở rộng, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của tỉnh đạt khá.

- Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu đã có những chuyển biến tích cực. Một số mặt hàng xuất khẩu đã mở rộng được quy mô sản xuất, nâng cao giá trị xuất khẩu như cà phê, trái cây... sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong những năm tới do thu hút nhiều nguồn lực đầu tư trong lĩnh vực này.

- Công tác phát triển thị trường xuất khẩu đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Thị trường Châu Âu ngày càng được mở rộng và tăng trưởng; các chương trình hợp tác với Hàn Quốc, Nhật Bản ngày càng được tỉnh quan tâm và phát huy hiệu quả, một số mặt hàng mới của tỉnh được đưa vào xuất khẩu: như nước ép hoa quả, cà phê rang xay, hòa tan...

Các doanh nghiệp không ngừng tìm kiếm, mở rộng thị trường thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương do Trung ương và địa phương tổ chức. Các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trực tiếp hoạt động ngày càng có hiệu quả, khu vực kinh tế tư nhân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tham gia mạnh vào xuất khẩu và chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

3. Những khó khăn hạn chế và nguyên nhân:

- Giai đoạn 2016 - 2020, chiến tranh thương mại giữa các cường quốc, nhất là căng thẳng thương mại Mỹ - Trung tiếp tục tác động đa chiều tới hoạt động thương mại của Việt Nam, trong đó xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Trung Quốc vẫn còn nhiều khó khăn do kinh tế nước này tăng trưởng chậm lại dẫn đến nhu cầu giảm. Ngoài ra, xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc còn gặp nhiều trở ngại do nước này tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Từ những tháng cuối năm 2019 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 ở nước ta cũng như khu vực trên thế giới diễn biến phức tạp kéo dài tác động rất lớn đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa. Việc tăng cường kiểm soát dịch Covid-19 làm hoạt động giao thương bị chậm lại do hàng hóa bị kiểm soát chặt chẽ hơn. Các hoạt động giao thương giữa Việt Nam với các đối tác nước ngoài bị hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp của tỉnh còn chịu ảnh hưởng nhiều bởi thời tiết, việc áp dụng công nghệ cao vào trong sản xuất nông nghiệp chưa nhiều; công nghiệp chế biến chậm phát triển, hàng hóa xuất khẩu phần lớn chưa có thương hiệu nên giá trị xuất khẩu không cao, khả năng cạnh tranh thấp.

- Doanh nghiệp ở tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, thiếu vốn nên khả năng đầu tư đổi mới công nghệ còn yếu, việc thích ứng với hội nhập kinh tế quốc tế sẽ là một thách thức lớn.

- Chất lượng của các mặt hàng xuất khẩu còn thấp, nguồn nguyên liệu thiếu bền vững. Đặc biệt là hàng nông sản chưa chú trọng đến khâu chế biến sâu, chỉ xuất khẩu nông sản thô nên giá cả và chất lượng không thể cạnh tranh tại thị trường nước ngoài. Hiện tỉnh chưa có nhiều nhà máy chế biến sâu các mặt hàng có thể mạnh ra thành phẩm để xuất khẩu, chủ yếu là bán thành phẩm.

- Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đến tác động của hội nhập quốc tế thông qua các Hiệp định thương mại tự do (viết tắt là FTA), dẫn đến chưa đầu tư đúng mức trong việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, chưa chú trọng tiếp cận các thông tin về hội nhập để xây dựng chiến lược kinh doanh lâu dài.

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics chưa phát triển gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu do chi phí vận chuyển cao, khó cạnh tranh về giá, lợi nhuận thấp.

- Công tác xúc tiến thương mại ra nước ngoài đối với tỉnh hiện nay còn hạn chế, chưa có những giải pháp thiết thực trong việc mở rộng thị trường nước ngoài. Việc nghiên cứu khảo sát thị trường nước ngoài còn thụ động, chủ yếu phụ thuộc vào các chương trình kế hoạch của các Bộ, ngành Trung ương.

II. KẾ HOẠCH XUẤT KHẨU GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

- Mục tiêu phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Gia Lai đến năm 2025 là tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ổn định, tập trung đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm có lợi thế như: hàng nông sản, nông sản chế biến, hàng lâm sản,... góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển.

- Phát triển xuất khẩu theo hướng bền vững, mở rộng quy mô xuất khẩu, chú trọng nâng cao chất lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu; củng cố, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu; chủ động, tích cực tham gia vào chuỗi giá trị hàng hoá toàn cầu nhằm tăng năng lực sản xuất và xuất khẩu hàng hoá.

- Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển xuất khẩu trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2025 đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu: phấn đấu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 7,94%/năm; giá trị tăng từ 610 triệu USD năm 2021 lên 850 triệu USD vào năm 2025.

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu giai đoạn 2021-2025 xác định nhóm hàng nông sản, nông sản chế biến là nhóm hàng xuất khẩu chủ lực, chiếm tỷ trọng hơn 85% trong tổng kim ngạch xuất khẩu; nhóm hàng lâm sản, hàng khác chiếm tỷ trọng 15%.

- Về mặt hàng xuất khẩu: tiếp tục phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như cà phê nhân, tiêu hạt, hạt điều, mùn cao su; thúc đẩy mở rộng các mặt hàng tiềm năng: cà phê rang xay, cà phê hòa tan, hoa quả đóng hộp, nước ép trái cây, các sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3-4 sao.

2. Kế hoạch phát triển sản phẩm xuất khẩu:

2.1. Nhóm hàng nông sản:

Trong giai đoạn 2021-2025, với việc tiếp tục tận dụng lộ trình miễn giảm thuế quan từ các FTA thế hệ mới đã có hiệu lực như: CPTPP, EVFTA, RCEP... với lộ trình xóa bỏ tới trên 90% dòng thuế, các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh sẽ có xu hướng tăng mạnh, nhất là các sản phẩm như: hàng nông sản, trái cây, sản phẩm gỗ...

Giai đoạn 2021-2025, giá trị xuất khẩu nhóm hàng nông sản dự kiến tăng từ 530 triệu USD năm 2021 lên 706 triệu USD năm 2025, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 6,57%/năm; bao gồm các mặt hàng chủ yếu sau:

- Cà phê nhân: định hướng đến năm 2025 đạt 230.000 tấn/kim ngạch 340 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 2,83%.

- Mủ cao su thô: định hướng đến năm 2025 đạt 13.200 tấn/kim ngạch 19 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 15,22%.

- Sắn lát: định hướng đến năm 2025 đạt 230.000 tấn/kim ngạch 4 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 16,95%.

- Tinh bột sắn: định hướng đến năm 2025 đạt 220.000 tấn/kim ngạch 95 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 5,92%.

- Tiêu hạt: định hướng đến năm 2025 đạt 25.000 tấn/kim ngạch 65 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 6,21%.

- Hạt điều: định hướng đến năm 2025 đạt 7.000 tấn/kim ngạch 50 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 18,47%.

- Trái cây, nước ép trái cây: định hướng đến năm 2025 đạt kim ngạch 125 triệu USD, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 10,76%.

2.2. Nhóm hàng lâm sản:

Giai đoạn 2021-2025, giá trị xuất khẩu nhóm hàng lâm sản dự kiến tăng từ 7,5 triệu USD năm 2021 lên 14 triệu USD năm 2025, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 13,3%/năm. Mặt hàng chủ yếu là gỗ tinh chế.

2.3. Nhóm hàng khác:

Giai đoạn 2021-2025, giá trị xuất khẩu nhóm hàng khác dự kiến tăng từ 69 triệu USD năm 2021 lên 130 triệu USD năm 2025, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 17,12%/năm.

Bao gồm các mặt hàng chủ yếu: xăng dầu, điện thương phẩm, đá granit, hàng bách hóa, giống cây trồng, phân bón, vật tư thiết bị...

Nhóm mặt hàng có tiềm năng xuất khẩu: cao su thành phẩm, sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao, 4 sao: cà phê bột, mật ong, viên tinh nghệ, hạt điều rang muối, tiêu đỏ, bò khô, cốt chanh dây, cao dinh lạng...

3. Định hướng phát triển thị trường xuất khẩu:

Định hướng thị trường xuất khẩu trong giai đoạn 2021-2025 là các quốc gia đã ký kết FTA với Việt Nam. Đặc biệt khai thác triệt để Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA. Trọng tâm tìm kiếm thị trường cho hàng nông sản chủ lực: cà phê nhân, cà phê bột, hồ tiêu, hạt điều, cao su, sắn lát, hoa quả...

Tập trung khai thác các thị trường sau:

3.1. Thị trường châu Âu:

Những năm qua kim ngạch xuất khẩu của tỉnh vào thị trường châu Âu tăng trưởng khá nhanh. Hiệp định EVFTA, UKVFTA với trên 90% số dòng thuế được cắt giảm sẽ là cơ hội rất lớn cho hàng hóa xuất khẩu của tỉnh. Do đó, cần tận dụng ưu đãi từ các FTA này để thúc đẩy xuất khẩu các nhóm hàng mà thị trường có nhu cầu nhập khẩu. Duy trì vững chắc và mở rộng thị phần xuất khẩu tại các quốc gia Ý, Đức, Pháp, Thụy Sĩ... Về mặt hàng, thúc đẩy xuất khẩu cà phê nhân, cà phê rang xay, cà phê hòa tan, nước ép hoa quả,...

Đẩy mạnh công tác xúc tiến xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, chủ động hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thông qua việc tổ chức hội chợ, triển lãm và hội thảo chuyên đề; tăng cường phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, Cục Xúc tiến Thương mại và các Tham tán thương mại Việt Nam kịp thời thông tin, cảnh báo sớm về những rào cản kỹ thuật của các nước để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh chủ động các giải pháp ứng phó.

3.2. Thị trường châu Á:

Đây là thị trường xuất khẩu truyền thống của nước ta, nhu cầu về hàng hoá khá đa dạng, gần gũi về mặt địa lý và nhiều thuận lợi về hợp tác thương mại. Cần tăng cường xuất khẩu những mặt hàng mà tỉnh có khả năng đáp ứng như: cà phê, cao su, tiêu, hạt điều, trái cây đóng hộp, sản phẩm gỗ, hàng tiêu dùng. Thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia vào các kênh thương mại điện tử, mua bán qua mạng để tận dụng cơ hội giới thiệu sản phẩm, tiết kiệm chi phí giao dịch... thâm nhập vào các hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi của các quốc gia này tại Việt Nam hoặc trực tiếp tại các nước.

Duy trì, mở rộng thị phần tại các quốc gia Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Myanmar với các mặt hàng đã xuất khẩu được: hạt điều, hạt tiêu, cà phê nhân.

Đối với thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản cần tăng cường hoạt động giao thương giữa doanh nghiệp của tỉnh với doanh nghiệp của Nhật Bản, Hàn Quốc nhằm mục đích kết nối doanh nghiệp, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp của tỉnh đẩy mạnh xuất khẩu cà phê hòa tan, sản phẩm gỗ, mủ cao su bán thành phẩm vào hai thị trường này.

Riêng đối với thị trường Lào và Campuchia cần đẩy mạnh xuất khẩu các hàng tiêu dùng, các sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao, 4 sao: cà phê rang xay, bò khô, tiêu, mật ong, tinh bột nghệ...

3.3. Thị trường Hoa Kỳ:

Đây là thị trường nhiều tiềm năng cho phát triển xuất khẩu của tỉnh và là thị trường khó tính, yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng, nhiều rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại. Cần có chiến lược lâu dài để phát triển, khai thác để có thể mở rộng quy mô xuất khẩu. Đối với tỉnh, hiện đã xuất khẩu được cà phê nhân, mủ cao su latex, sản phẩm gỗ. Thời gian tới, có thể phát triển xuất khẩu các mặt hàng như: cà phê rang xay, cà phê hòa tan, sản phẩm gỗ nội thất, cao su bán thành phẩm, nước ép hoa quả, hoa quả đóng hộp...

3.4. Thị trường Trung Quốc:

Là một trong những thị trường lớn của thế giới và là một thị trường trọng điểm của Việt Nam, có nhu cầu đa dạng, phong phú về tiêu thụ nông sản, thủy hải sản đặc biệt là

các tỉnh giáp với Việt Nam. Do đó, cần củng cố và đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng chủ lực đang xuất khẩu tại thị trường Trung Quốc như: mủ cao su bán thành phẩm, sản phẩm lát, tinh bột sắn, hoa quả sơ chế; tiếp tục mở rộng thị trường cho các sản phẩm OCOP: chè xanh, mật ong, tinh nghệ, bò khô, cà phê rang xay...

Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu hình thức chính ngạch nhằm giảm thiểu rủi ro. Tiếp tục cập nhật, cung cấp các quy định mới về nhập khẩu từ phía Trung Quốc cho các doanh nghiệp xuất khẩu, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục liên quan đến xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tập trung thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu:

- Thực hiện tốt quy hoạch trồng trọt gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh đảm bảo nguồn nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.

- Tổ chức sản xuất nông sản hàng hoá quy mô lớn theo chuỗi giá trị gắn với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu, đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Nâng cao chất lượng và giá trị cho hàng hóa xuất khẩu:

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất ra đủ điều kiện để xuất khẩu, đặc biệt quan tâm đến sản phẩm organic, sản phẩm chất lượng cao không bảo tồn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; ổn định diện tích canh tác hiện có, tập trung theo chiều sâu, mở rộng quy mô sản xuất theo hướng đa dạng hóa; cải tiến mẫu mã sản phẩm theo thị hiếu của từng thị trường; áp dụng các hệ thống quản lý liên tiến, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như: ISO 9001, ISO 22000, HACCP... nhằm nâng cao chất lượng hàng hoá, bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật của nông sản xuất khẩu.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý mang tên địa danh những mặt hàng chủ lực của tỉnh; chủ động bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu.

3. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa chương trình xúc tiến thương mại cũng như việc tổ chức các chuỗi sự kiện quảng bá, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu hàng hóa; đẩy mạnh chương trình hợp tác, kết nối cung cầu giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước; tham gia kết nối giao thương giữa Việt Nam với các nước, hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

- Tăng cường tập huấn, đào tạo ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động xuất khẩu; hỗ trợ cho các doanh nghiệp của tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiệp vụ xúc tiến thương mại trực tuyến và tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế.

4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu:

- Cải thiện môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng hơn để thu hút các nguồn lực thuộc mọi thành phần kinh tế; đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp phép đầu tư, hải quan, thuế...

- Triển khai kịp thời các chính sách của Nhà nước về tài chính, tín dụng, đầu tư tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tiếp cận vốn vay.

- Đầu tư phát triển hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu, dịch vụ logistics; đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

- Tuyên truyền, mở các lớp tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật quốc tế, nghiệp vụ xuất nhập khẩu... nhằm trang bị kiến thức, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và các doanh nghiệp.

- Nâng cao vai trò của Hiệp hội ngành hàng trong việc thực hiện tốt chức năng cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ, nguồn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả và thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương:

- Chủ trì, theo dõi, đôn đốc, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tiến độ thực hiện; đề xuất các giải pháp đảm bảo việc thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch khi phát sinh vướng mắc.

- Tổ chức tuyên truyền, mở các lớp tập huấn phổ biến, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp về thị trường nước ngoài, lộ trình miễn giảm thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do, chính sách pháp luật mới liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu... thiết lập mối quan hệ với các cơ quan Thương vụ, Tham tán Thương mại Việt Nam tại các nước để tiếp nhận và phổ biến thông tin về tình hình thị trường nước ngoài.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tổ chức các chương trình hợp tác, kết nối cung cầu giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước; tham gia kết nối giao thương giữa Việt Nam với các nước; hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước; tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá các sản phẩm tại các Hội chợ, triển lãm quốc tế chuyên ngành và đa ngành; gặp gỡ, đối thoại với các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp xuất khẩu để nắm tình hình, kịp thời giải quyết hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử; tăng cường tập huấn, đào tạo ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động xuất khẩu; hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện phương pháp tiếp cận thị trường theo xu hướng hiện đại, phi truyền thống như: hội chợ triển lãm trực tuyến, đào tạo trực tuyến, tìm kiếm đối tác trên không gian mạng thông qua việc thuê gian hàng của các website bán hàng trực tuyến lớn trên thế giới như Amazon, Alibaba... để tăng cường quảng bá sản phẩm, giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm xuất khẩu.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp, thu hút các dự án phát triển công nghiệp chế biến, các dự án sản xuất phục vụ xuất khẩu, trong đó tạo ra các sản phẩm mà đầu ra của nó là đầu vào của sản phẩm khác để tạo ra nền kinh tế tuần hoàn; xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Chương trình khuyến công trong việc đào

tạo lao động, đầu tư máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất, xuất khẩu; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến.

- Hình thành được chợ đầu mối quốc tế về bán buôn hàng hóa nông sản của tỉnh ra thị trường quốc tế, tập trung xây dựng một số doanh nghiệp lõi đủ về năng lực, kinh nghiệm làm đầu tàu để dẫn dắt và triển khai kế hoạch xuất khẩu các mặt hàng chủ lực cho tỉnh và giúp các doanh nghiệp khác cùng triển khai.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch xuất khẩu nông sản của tỉnh đến năm 2030 theo Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện các chương trình phát triển ngành, sản phẩm, chương trình phát triển nông nghiệp chất lượng cao theo quy hoạch, đẩy mạnh triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)... nhằm tạo nguồn hàng nguyên liệu phong phú, các sản phẩm có giá trị và lợi thế cạnh tranh để phục vụ xuất khẩu.

- Xây dựng cụ thể các kế hoạch triển khai các vùng nguyên liệu gắn với nhà máy chế biến chất lượng cao; có lộ trình cụ thể cho các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án sản phẩm organic để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm; chú ý các sản phẩm tạo ra nền kinh tế tuần hoàn.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chất lượng, rà soát các sản phẩm nông sản của tỉnh có lợi thế phát triển để hình thành những vùng sản xuất tập trung quy mô lớn; đẩy mạnh xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hướng dẫn cấp mã số vùng trồng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho nông sản của tỉnh; tăng cường phát triển sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến: tiêu chuẩn hữu cơ, GAP, ISO, HACCP...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và kiểm dịch động thực vật, truy xuất nguồn gốc sản phẩm... để thông tin kịp thời đến các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân liên quan; tham mưu, đề xuất biện pháp ứng phó trước những biến động của thị trường trong nước và thế giới.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); triển khai các giải pháp thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, dịch vụ logistics; đẩy mạnh thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư vào công nghiệp chế biến, kinh tế tuần hoàn để phát triển mạnh lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa.

- Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ thu hút đầu tư vào lĩnh vực xuất khẩu; kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư các dự án sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp để nâng cao năng lực sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn để hỗ trợ, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá tác động của các Hiệp định Thương mại tự do đối với kinh tế, xã hội của tỉnh; kịp thời đề xuất, kiến nghị các biện pháp ứng phó phù hợp.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, kỹ thuật canh tác cây trồng cho năng suất, chất lượng cao, đổi mới công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến sâu... nhằm tăng giá trị hàng hóa nông sản xuất khẩu của tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về tiếp nhận và chuyển giao các quy trình công nghệ trong thu hoạch, chế biến, bảo quản nông sản xuất khẩu.

- Đẩy mạnh xây dựng, quản lý và phát triển các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; áp dụng các hệ thống quản lý liên tiến, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như: ISO9001, ISO22000, HACCP,...xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; khuyến khích thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo có tiềm năng phát triển trong một số lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng sản phẩm quy định tại các FTA có khả năng tạo ra rào cản kỹ thuật, gây khó khăn hoặc cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp hoạch định chiến lược và chủ động tránh các rào cản kỹ thuật tiềm ẩn.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, khuyến khích tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên kết với doanh nghiệp thực hiện đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp; đẩy mạnh các chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về lao động, tiền lương, tiền thưởng, chế độ BHXH, BHYT, an toàn vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc, góp phần thực hiện tốt cam kết về cải thiện môi trường làm việc trong các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết.

6. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chỉ đạo, định hướng công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá tiềm năng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, hoạt động xuất khẩu các doanh nghiệp.

- Phối hợp thực hiện các biện pháp phát triển thương mại điện tử, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng là hạ tầng chuyển phát kết hợp hạ tầng logistics phục vụ cho phát triển thương mại điện tử, xuất khẩu hàng hóa.

7. Sở Tài chính:

Hàng năm, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

8. Sở Ngoại vụ:

- Kết nối với các nhà đầu tư nước ngoài đến khảo sát, đầu tư cơ sở chế biến tiêu thụ nông sản của tỉnh; đảm bảo các điều kiện cần thiết để triển khai các hoạt động xúc tiến quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa tại thị trường nước ngoài thông qua kênh ngoại giao.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế tăng cường thông tin thị trường, tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường, kết nối để thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm hàng hóa của tỉnh.

9. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh:

- Tiếp tục theo dõi, giám sát, đẩy nhanh việc đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút đầu tư vào khu công nghiệp đặc biệt là các dự án đầu tư chế biến hàng xuất khẩu.

- Tăng cường quản lý hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới; phối hợp với các lực lượng chức năng tại cửa khẩu hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

10. Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum:

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan; áp dụng thủ tục khai báo hải quan điện tử theo hướng thuận tiện, đơn giản cho doanh nghiệp trong việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Tăng cường sự phối hợp hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để giảm thời gian thông quan, phấn đấu thủ tục hải quan trên địa bàn tiếp cận chuẩn mực của các nước tiên tiến; thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến về các cam kết trong Hiệp định thương mại tự do liên quan đến thủ tục Hải quan, biểu thuế xuất nhập khẩu; tiến hành đối thoại thường niên, tháo gỡ khó khăn trong thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp.

- Tham mưu cho tỉnh cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp làm thủ tục hải quan tại Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum.

11. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Gia Lai:

Chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh tích cực triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chú trọng cho vay phát triển sản xuất, xuất khẩu; nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ ngân hàng; tăng cường kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, cung cấp các gói tín dụng với lãi suất hợp lý nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; phổ biến đến các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nội dung các cam kết của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do.

- Chủ động gỡ gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt tình hình, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trên địa bàn trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu hàng hóa.

13. Đề nghị các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh:

- Tiếp tục đẩy mạnh vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ quan quản lý, tạo điều kiện kết nối các hội viên; nâng cao vai trò Hiệp hội trong việc phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa.

- Vận động thành lập các hiệp hội ngành nghề có thế mạnh của tỉnh đặc biệt là Hiệp hội Cà phê; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về hội nhập quốc tế, cung cấp và tư vấn cho các hội viên về pháp luật kinh doanh quốc tế, các rào cản thương mại, ứng phó với các vụ kiện kinh doanh quốc tế...

Yêu cầu các sở, ngành, địa phương, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện; định kỳ (trước ngày 20 tháng 11 hàng năm) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, yêu cầu các đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/cáo);
- T/T Tỉnh ủy (b/cáo);
- T/T HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các hội, hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NL, CNXD, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Phước Thành